

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trên thế giới hiện nay, cuộc cách mạng 4.0 về khoa học – công nghệ đang triển rất mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, trong đó có thể kể đến lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Ở Việt Nam mạng Internet, thiết bị và các dịch vụ Công nghệ thông tin (CNTT) ngày càng phát triển trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của con người. Theo thống kê mới nhất cho thấy, Việt Nam xếp thứ 6 Châu Á và hạng 12 trên thế giới về lượng người dùng Internet. Công nghệ thông tin, mạng viễn thông ngày càng phát triển mang lại nhiều tiện lợi hơn cho con người trong đời sống – xã hội. Nhưng song hành với những tiện ích đó lại xuất hiện hình thức phạm tội mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Những năm gần đây tình trạng tội phạm công nghệ cao ở Việt Nam xuất hiện ngày càng phức tạp và tinh vi gây ra những thiệt hại không nhỏ đến trật tự an toàn xã hội trên không gian mạng. Trong đó, tội phạm công nghệ cao thường sử dụng các mã tin độc hại, phần mềm gián điệp, lây nhiễm vi rút vào hệ thống máy tính của các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước nhằm mục đích đánh cắp thông tin của người dân. Các tổ chức tội phạm công nghệ cao này đa phần do người nước ngoài đứng đầu và hoạt động vô cùng tinh vi và kín đáo. Do đó muốn xử lý những tổ chức tội phạm công nghệ cao này gặp nhiều khó khăn trong quá trình điều tra.

Ở Việt Nam hiện nay, tình trạng lừa đảo trong lĩnh vực thương mại điện tử và thanh toán điện tử gia tăng, dẫn đến hậu quả nhiều nước trên thế giới không chấp nhận giao dịch qua mạng internet có địa chỉ IP xuất phát từ Việt Nam, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và hình ảnh của Việt Nam trong lĩnh vực thương mại điện tử nói riêng và lĩnh vực kinh tế quốc tế nói chung. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông có đặc điểm là việc thực hiện tội phạm không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia. Do đó, việc xử lý người phạm tội thực hiện tội phạm ở ngoài biên giới quốc gia nhưng lại gây thiệt hại cho nạn nhân ở Việt Nam trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn.

Theo thống kê sơ bộ của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, từ năm 2019 đến năm 2023 đã xảy ra 194 vụ với 372 bị can phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Trước tình hình đó, cơ quan tiến hành tố tụng đã kịp thời áp dụng

các biện pháp để xử lý hành vi phạm tội theo quy định pháp luật. Trong đó, thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là chức năng quan trọng, mang tính cơ bản và xuyên suốt quá trình tố tụng, giúp định hướng hoạt động điều tra, kịp thời đề ra các yêu cầu thu thập chứng cứ nhằm mục đích buộc tội, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản ra Tòa án nhân dân để xét xử. Từ năm 2019 đến 2023, Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử 194 vụ án với 372 bị cáo về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, kết quả Tòa án đã mở phiên tòa xét xử và tuyên bố các bị cáo phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, quá trình thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản còn bộ lộ một số hạn chế, thiếu sót. Do các nội dung thuộc thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chặt chẽ, hiệu quả như việc đề ra yêu cầu điều tra chưa cụ thể, trọng tâm giúp định hướng cho quá trình thu thập chứng cứ; hoạt động thẩm vấn, tranh luận chưa sắc bén, thuyết phục... Do đó, việc nghiên cứu làm rõ những hạn chế, khó khăn, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cùng nguyên nhân để có cơ sở xác định giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là cần thiết; đảm bảo việc buộc tội, truy tố đối với người thực hiện hành vi phạm tội công nghệ cao, góp phần bảo vệ pháp chế Xã hội chủ nghĩa, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Điều này có vai trò vô cùng quan trọng đối với công cuộc đổi mới đất nước trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới. Với những lý do trên, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong giai đoạn hiện nay là vấn đề có tính cấp thiết, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Do đó, việc nghiên cứu thực tiễn xét xử để hoàn thiện, hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với tội phạm quy định tại Điều 290 BLHS hiện hành là vô cùng cần thiết và quan trọng. Xuất phát từ cơ sở đó, nên tác giả quyết định chọn đề tài: ***“Thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản từ thực tiễn VKSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp mang tính cấp thiết về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Theo tác giả Lê Tường Vy, tội phạm máy tính được hiểu là *“các hành vi tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào sự hoạt động của máy tính, mạng máy tính, các thiết bị ngoại vi, cơ sở dữ liệu, các quá trình điều khiển dựa trên sự hoạt động của các thiết bị tin học nhằm mục đích phá hoại, lừa đảo, che dấu, đánh cắp thông tin”*¹. Theo định nghĩa này, tội phạm máy tính có hai đặc trưng cơ bản: (1) người phạm tội sử dụng máy tính, mạng máy tính, thiết bị tin học, cá thiết bị điện tử để thực hiện hành vi phạm; (2) mục đích phạm tội là để *“phá hoại, lừa đảo, che dấu, đánh cắp thông tin”*. Cũng theo xu hướng này, tác giả Nguyễn Đình Trung khi bàn về khái niệm *“tội phạm mạng máy tính”* cho rằng, tội phạm mạng máy tính theo nghĩa rộng bao gồm tất cả các hành vi mà người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội của mình bằng máy tính và mạng máy tính; còn theo nghĩa hẹp bao gồm các hành vi đánh cắp, thay đổi dữ liệu, làm hư hỏng hoặc khai thác trái phép dịch vụ mạng máy tính... Đồng thời các tác giả cũng nhận định *“đa số các chuyên gia khi bàn về tội phạm vi tính thì chỉ đề cập tới tội phạm vi tính theo nghĩa hẹp”*². Trong tác phẩm *“Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin”*, thông qua việc nghiên cứu tình hình tội phạm và các quy định pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở nước ta, các tác giả nêu ra một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này.

Những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) về tội phạm trong lĩnh vực công nghệ cao để xử lý tội phạm này cũng được nhiều tác giả nghiên cứu. Vấn đề này có thể kể đến các bài viết như bài viết *“Viện kiểm*

¹ Lê Tường Vy (2015), “Bàn về tội Sử dụng công nghệ cao thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, Tạp chí Kiểm Sát, Số 5/2015.

² Nguyễn Đình Trung (2016), “Cảnh báo một số hành vi lừa đảo qua mạng máy tính, mạng internet hoặc sử dụng các phương tiện điện tử để lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Tạp chí Kiểm sát, Số 10/2016

sát nhân dân trước những khó khăn, thách thức của các tội phạm về công nghệ thông tin” của tác giả Nguyễn Minh Đức đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 19/2018; Lê Tường Vy (2015), “Bàn về tội Sử dụng công nghệ cao thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, Tạp chí Kiểm Sát, Số 5/2015; bài viết “Xác định tội trộm cắp tài sản đối với người lắp đặt thiết bị thu phát viễn thông để thu lợi bất chính là có căn cứ” của tác giả Đỗ Văn Chinh đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 19/2019; bài viết “Về định tội danh đối với hành vi làm, sử dụng thẻ tín dụng giả hay các loại thẻ khác để mua hàng hóa hoặc rút tiền tại các máy trả tiền tự động của các ngân hàng” của tác giả Lê Đăng Doanh đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 17/2020. Trong các bài viết này, các tác giả đã chỉ ra được những khó khăn trong quá trình áp dụng quy định của BLHS để xét xử những hành vi phạm tội mới xuất hiện; khó khăn trong việc định tội đối với một số tội gây nhầm lẫn. Đồng thời, các tác giả cũng đề xuất những phương án để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trên.

Bên cạnh những quan điểm về tội phạm công nghệ cao thì chúng ta còn đề cập đến nhưng nhiên cứu về thực hành quyền công tố, Theo tác giả TS. Dương Thanh Biểu, đã làm rõ được khái niệm, chức năng và quyền hạn của Viện kiểm sát (VKS) trong giai đoạn xét xử vụ án, bản chất thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự. Tác giả đề cập đến kỹ năng cần phải thực hiện để Kiểm sát viên tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm vụ án hình sự đạt hiệu quả như: “Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án chuẩn bị tham gia phiên tòa; kỹ năng nghiên cứu tài liệu, chứng cứ (lời khai, biên bản khám nghiệm, kết luận định giá, kết luận...) kỹ năng xây dựng bản cáo trạng, đề cương xét hỏi, kế hoạch xét hỏi, bản luận tội. Bên cạnh đó, cuốn sách đã phân tích và làm nổi bật tầm quan trọng của kỹ năng xét hỏi, tranh luận và đối đáp của KSV tại phiên tòa”³.

Qua nghiên cứu cuốn sách này, tôi đã nhận biết được tổng quát về thực hành quyền công tố ở giai đoạn xét xử, bao gồm các hoạt động trước và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự. Đây là những thông tin có giá trị giúp tôi định hướng được trong quá trình hoàn thiện nội dung về đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

³ Dương Thanh Biểu. Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2011), tài liệu hội thảo “*Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự*”. Bài viết đã phân tích số liệu về vụ án, bị cáo đưa ra xét xử và quyết định kháng nghị từ năm 2008 đến năm 2011. Trên cơ sở đó, đánh giá hiệu quả thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự đã có chuyển biến mạnh mẽ, tích cực. VKS đã chủ động phối hợp với Tòa án cùng cấp đưa ra xét xử phúc thẩm kịp thời các vụ án hình sự góp phần nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bài viết đánh giá một số ưu điểm trong thực hiện chức năng thực hành quyền công tố như: “*Việc tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận của KSV tại phiên tòa; đồng thời, phân tích một số thiếu sót của thực hành quyền công tố và KSXX phúc thẩm đó là: Còn truy tố oan, sai và thực hiện chưa đầy đủ các thao tác nghiệp vụ thực hành quyền công tố quy định tại Quy chế Công tác thực hành quyền công tố và KSXX các vụ án hình sự*”⁴. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2018), chuyên đề “*Thực trạng giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả bản yêu cầu điều tra khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*”. Chuyên đề đã phân tích số liệu cụ thể về việc xây dựng, ban hành bản yêu cầu điều tra của các đơn vị VKS trên toàn quốc trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 6/2018, đồng thời phân tích chất lượng một số bản yêu cầu điều tra cụ thể. Trên cơ sở đó, chuyên đề đã làm rõ những kết quả và hạn chế trong việc xây dựng, ban hành bản yêu cầu điều tra, nội dung thực hành quyền công tố của VKS. Chuyên đề đã đánh giá chi tiết về kết quả đạt được và những hạn chế cùng nguyên nhân trong xây dựng bản yêu cầu điều tra⁵. Đây là những nội dung hữu ích giúp chúng ta có nhiều góc nhìn khác nhau về kỹ năng xây dựng bản yêu cầu điều tra, đồng thời nhận thức được các điều kiện cần phải có đối với KSV để xây dựng bản yêu cầu điều tra chi tiết, làm rõ được tình tiết vụ án về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. đánh giá và làm rõ những đặc trưng thực hành quyền công tố đối với nhóm tội phạm công nghệ cao.

TS. Lê Minh Long (2020), “*Giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm*”, Tạp chí Kiểm sát số 01/2020. Trên cơ sở đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế về trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt

⁴ Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2011. “Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự”, tài liệu hội thảo, Hà Nội.

⁵ Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2018. “Thực trạng giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả bản yêu cầu điều tra khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”, chuyên đề, Hà Nội.

động điều tra. Tác giả trình bày một số giải pháp thực hiện tốt hơn trách nhiệm này như: *“Tăng cường thanh tra đột xuất, thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của lãnh đạo đối với công tác THQCT; tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn, gắn chặt hơn với CQĐT trong quá trình THQCT...”*⁶.

Các bài viết trên đã nhận diện và làm sáng tỏ một số vấn đề về khái niệm, đặc trưng, các dấu hiệu pháp lý của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử hình sự tội phạm này; phân tích, đối chiếu và phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác trong Bộ luật hình sự và đề xuất giải pháp hoàn thiện

Những công trình nghiên cứu trên đây đã đề cập đến thực trạng thực hành quyền công tố trong các giai đoạn TTHS. Trong đó, các tác phẩm hầu hết đều tập trung đánh giá về kết quả đạt được; hạn chế, thiếu sót và xác định nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót. Các công trình này có giá trị tham khảo cho tôi trong quá trình đánh giá và phân tích thực trạng về thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Từ những phân tích lý luận và cơ sở quy định về thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Từ đó, đưa ra những giải pháp hoàn thiện hơn cơ sở lý luận.

- Đề xuất những giải pháp để hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành.

- Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

3.2. nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu, phân tích làm rõ thực trạng thực hành quyền công tố đối với Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thời gian từ năm 2019 đến 2023 nhằm làm rõ những hạn chế, thiếu sót và

⁶ Lê Minh Long. 2020. “Giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm”, Tạp chí Kiểm sát, số 01, tr.20.

xác định nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Xác định những yêu cầu và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản xem xét dưới góc độ lý luận, quy định và thực tiễn thi hành.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: khóa luận nghiên cứu Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo thẩm quyền lãnh thổ của VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh; trong đó tập trung vào một số địa phương như: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước và Tây Ninh .

Về thời gian: Số liệu được thống kê để phân tích, đánh giá thực trạng trên phạm vi thẩm quyền lãnh thổ từ năm 2019 đến năm 2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử, khóa luận chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, được sử dụng nghiên cứu các vấn đề tại chương 1 nhằm làm rõ vấn đề lý luận liên quan đến tội phạm công nghệ cao và thực hành quyền công tố đối với Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong quy định pháp luật hình sự hiện hành.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, trao đổi trực tiếp với kiểm sát để đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố đối với Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông,

phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, từ đó đánh giá được những bất cập, khóa khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Dựa vào đó đề xuất một số giải pháp khắc phục tại chương 2.

6. Bố cục

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung khóa luận tốt nghiệp bao gồm 02 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Chương 2: Thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát Nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Những bất cập và một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố đối với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.